

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phát triển, quản lý và sử dụng
các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 77/TTr-STTTT ngày 30/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phát triển, quản lý và sử dụng các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-112).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

QUY ĐỊNH**Quy định phát triển, quản lý và sử dụng các nền tảng số dùng chung
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/...../2024
của UBND tỉnh Bình Phước)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc xây dựng, nâng cấp, triển khai và khai thác sử dụng các ứng dụng dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin và phần mềm ứng dụng chuyên ngành (sau đây gọi tắt là nền tảng số) trong cơ quan nhà nước của tỉnh; công tác thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc triển khai các nền tảng số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập) và tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia sử dụng, khai thác, xây dựng các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khung giải pháp xây dựng nền tảng số, phần mềm ứng dụng là hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật để xây dựng và triển khai các phần mềm ứng dụng.

2. Các nền tảng số:

a) *Nền tảng xác thực tập trung (SSO)* là hệ thống xác thực tài khoản để đăng nhập các nền tảng số, phần mềm ứng dụng nhằm đảm bảo một cán bộ, công chức, viên chức chỉ có duy nhất một tài khoản để sử dụng tất cả các nền tảng số, phần mềm ứng dụng có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức đó. Nền tảng xác thực tập trung được triển khai thống nhất tại địa chỉ <https://dangnhap.binhphuoc.gov.vn>.

b) *Nền tảng kho dữ liệu dùng chung* là ứng dụng thống nhất về giải pháp kỹ thuật, các công cụ và bộ quy trình điện tử phục vụ cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển tiến hành các nghiệp vụ về tạo lập, số hóa dữ liệu. Nền tảng quản lý dữ liệu số dùng chung được triển khai thống nhất tại địa chỉ <https://csdl.binhphuoc.gov.vn>

c) *Nền tảng làm việc số (onegov)* là nền tảng số nhằm quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước. Nền tảng làm việc số được triển khai tại giao diện Web <https://cqs.binhphuoc.gov.vn> và giao diện ứng dụng di động được tích hợp vào nền tảng Bình Phước Today.

d) *Nền tảng bản đồ số* là công cụ tái tạo thực tại, phản ánh trực quan những gì thể hiện trên thực tế ở phạm vi rộng lớn. Cũng như xác định được chính xác vị trí của từng địa điểm, đối tượng. Thông qua đó các đối tượng cần quản lý của địa phương được số hóa và hiển thị trực quan giúp nắm bắt thực trạng các vấn đề cần quản lý. Được triển khai thống nhất tại địa chỉ <https://gis.binhphuoc.gov.vn>.

đ) *Nền tảng báo cáo số* là nền tảng báo cáo phục vụ theo dõi, phân tích, chỉ đạo điều hành cho các cấp lãnh đạo tỉnh, sở ngành, huyện, xã dựa trên dữ liệu. Được thể hiện bằng các Dashboard cho từng lĩnh vực và bằng các biểu đồ trực quan, giúp công tác chỉ đạo được chính xác, nắm bắt kịp thời dữ liệu, chỉ đạo hiệu quả. Nền tảng được triển khai thống nhất tại địa chỉ <https://ioc.binhphuoc.gov.vn>.

e) *Nền tảng hạ tầng – dịch vụ điện toán đám mây* là tập hợp các tài nguyên phần cứng và phần mềm tạo nên đám mây để cung cấp cho người dùng sử dụng gồm: phần mềm dưới dạng dịch vụ, nền tảng dưới dạng dịch vụ và hạ tầng dưới dạng dịch vụ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

g) *Cổng dữ liệu mở* là Cổng thông tin cung cấp các phương thức kết nối, cung cấp dữ liệu ra toàn xã hội khai thác sau khi đã phê duyệt tại nền tảng số hóa được triển khai thống nhất tại địa chỉ <https://dulieu.binhphuoc.gov.vn>.

h) *Trang chuyển đổi số tỉnh* là nơi cung cấp thông tin chính thống của UBND tỉnh Bình Phước về hoạt động chuyển đổi số của tỉnh trên môi trường mạng tại địa chỉ <https://cds.binhphuoc.gov.vn>.

i) *Nền tảng Cổng, trang thông tin điện tử* là nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất, tập trung hệ thống Cổng, Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Được triển khai theo quy định tại Quyết định 959/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động, cung cấp thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước.

3. Cơ sở dữ liệu là một tập hợp các dữ liệu được tổ chức theo một cấu trúc nhất định, được lưu trữ trong các thiết bị lưu trữ, sao cho người sử dụng có thể truy vấn để có được các câu trả lời.

4. Dữ liệu số là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số đảm bảo điều kiện là dữ liệu sau khi số hóa đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định này. Trong Quyết định này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

5. Các loại hình dữ liệu:

a) Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được lưu trữ tập trung, là nơi cung cấp dữ liệu cho tất cả các ứng dụng được phát triển trong cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

b) Dữ liệu danh mục dùng chung là dữ liệu về các danh mục, bảng mã phân loại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được sử dụng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

c) Dữ liệu chuyên ngành là dữ liệu được số hóa phục vụ công tác quản lý nhà nước cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

d) Dữ liệu chuyên ngành dùng chung là dữ liệu chuyên ngành có tối thiểu một ngành khác sử dụng lại.

đ) Dữ liệu điều tra, khảo sát là dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước gồm các loại dữ liệu được điều tra, khảo sát, xác minh, lấy ý kiến chuyên ngành do cơ quan nhà nước chủ trì.

e) Dữ liệu quản lý doanh nghiệp là dữ liệu do các doanh nghiệp báo cáo thường xuyên, định kỳ cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước.

g) Dữ liệu được chuẩn hóa từ nguồn đã có sẵn là dữ liệu các ngành đã lưu trữ dưới dạng giấy hoặc dữ liệu điện tử dưới dạng word, excel ... hoặc các loại dữ liệu phi cấu trúc đã được chuẩn hóa, cấu trúc lại và lưu trữ hệ thống số hóa dùng chung của tỉnh.

h) Dữ liệu từ người dân, xã hội đóng góp là dữ liệu được người dân, doanh nghiệp trực tiếp cung cấp thông qua tương tác Binhphuoc today và nền tảng số tỉnh Bình Phước triển khai.

i) Dữ liệu từ chương trình xã hội hóa là dữ liệu do các doanh nghiệp số hóa, thu thập thông qua chương trình xã hội hóa hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

k) Dữ liệu từ các thiết bị cảm biến (IoT) là dữ liệu được các thiết bị cảm biến tự động thu nhận và truyền dữ liệu về hệ thống số hóa dùng chung của tỉnh.

l) Dữ liệu phát sinh từ quy trình vận hành các nền tảng số là dữ liệu được hình thành, phát sinh trong quá trình vận hành quy trình trên các nền tảng số được nhà nước công bố.

Điều 4. Các nguyên tắc chung

1. Việc xây dựng, triển khai, nâng cấp các nền tảng số, phần mềm ứng dụng trong cơ quan nhà nước phải tuân thủ Khung giải pháp xây dựng và nâng cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng được quy định tại Quy định này.

2. Việc thu thập, cập nhật, quản lý, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Dữ liệu số phải do một cơ quan, đơn vị được quy định Điều 2 này chịu trách nhiệm;

b) Không được tổ chức, xây dựng dữ liệu khi đã tồn tại một dữ liệu khác có nội dung giống nhau;

c) Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đồng thời bảo đảm về quốc phòng, an ninh;

d) Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;

đ) Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác, chia sẻ và sử dụng;

e) Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống;

g) Sử dụng cơ sở dữ liệu đúng mục đích;

h) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Các tổ chức đầu tư cho việc thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu có thể chuyên giao các cơ sở dữ liệu do đơn vị mình thu thập, chuẩn hóa đạt chuẩn dữ liệu số quy định tại Quy định này, để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu số của tỉnh.

4. Dữ liệu số của tỉnh phải đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ thông tin, định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định của nhà nước.

5. Dữ liệu số của tỉnh được xây dựng thống nhất để các đơn vị, tổ chức có liên quan sử dụng với mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 5. Điều kiện xác định cơ sở dữ liệu được công nhận là dữ liệu số đạt chuẩn

1. Xác định được một cơ quan hoặc một đơn vị chủ trì quản lý dữ liệu.

2. Đã được sử dụng các danh mục dùng chung, dữ liệu chuyên ngành dùng chung của trung ương và địa phương.

3. Dữ liệu được triển khai số hóa trên hệ thống Nền tảng Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, được cài đặt thống nhất tại địa chỉ: <https://csdl.binhphuoc.gov.vn>. Lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

4. Quá trình thu thập, cập nhật và vận hành dữ liệu số theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

5. Hội đồng xét duyệt đảm bảo điều kiện là dữ liệu số đạt chuẩn. Thành viên Hội đồng bao gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan chủ trì quản lý dữ liệu.

6. Trong trường hợp dữ liệu được công khai phải thực hiện công khai dữ liệu tại Cổng dữ liệu mở của tỉnh, cài đặt tại <https://dulieu.binhphuoc.gov.vn>.

Chương II XÂY DỰNG, NÂNG CẤP NỀN TẢNG SỐ, PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

Điều 6. Quản lý nhà nước về xây dựng và triển khai các nền tảng số, phần mềm ứng dụng, dữ liệu số trong cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quy định về xây dựng, triển khai và khai thác các nền tảng số, phần mềm ứng dụng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; việc tổ chức thực hiện quy định về dữ liệu số của tỉnh và giữa các ngành; chịu trách nhiệm toàn diện về mức độ an toàn, bảo mật dữ liệu số của tỉnh.

2. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ phối hợp với Sở Thông tin

và Truyền thông trong việc xây dựng, triển khai, nâng cấp, khai thác nền tảng số, phần mềm ứng dụng, việc quản lý, chia sẻ, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương.

3. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh khi đầu tư xây dựng nền tảng số, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu thì trong dự án, hợp đồng thi công phải có điều khoản nhà thầu có trách nhiệm bàn giao bộ chương trình cài đặt phần mềm, mã nguồn của chương trình (nếu có) và các nội dung khác theo quy định của nhà nước về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và quản lý các mã nguồn nền tảng số, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu của Tỉnh, các ngành, địa phương có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có đầu tư xây dựng nền tảng số, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu có trách nhiệm bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông khi hệ thống được nghiệm thu và khi hết thời hạn bảo hành bao gồm:

a) Bộ chương trình cài đặt phần mềm.

b) Mã nguồn của chương trình (nếu có).

c) Các tài liệu dưới dạng số gồm: Tài liệu hướng dẫn sử dụng, quản trị, vận hành; tài liệu phục vụ đào tạo người sử dụng, quản trị, vận hành; tài liệu quy trình bảo trì (nếu có); hướng dẫn về kỹ thuật và tiêu chuẩn, quy chuẩn (nếu có); Tài liệu kỹ thuật phục vụ kết nối theo quy định (đối với dự án có kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, cơ quan trung ương, địa phương).

Trường hợp loại hình thuê dịch vụ hoặc phần mềm ứng dụng bắt buộc phải sử dụng mã nguồn đóng (phải có ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông), các ngành, địa phương phải có trách nhiệm bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông một bản sao lưu cơ sở dữ liệu của phần mềm để lưu trữ thống nhất toàn tỉnh.

6. Nền tảng số, phần mềm ứng dụng và dữ liệu số của tỉnh thống nhất lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Phước. Dữ liệu sau khi cập nhật định kỳ phải được sao lưu, cập nhật tức thời tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Giải pháp xây dựng và nâng cấp nền tảng số, phần mềm ứng dụng

1. Thực hiện và áp dụng các tiêu chuẩn về xây dựng và nâng cấp các phần mềm ứng dụng theo Khung giải pháp các nền tảng số, phần mềm ứng dụng trong cơ quan nhà nước như sau:

a) Hệ điều hành máy chủ: Các nền tảng số, phần mềm ứng dụng phải được xây dựng và hoạt động trên hệ điều hành thông dụng hiện nay như Windows, Linux, Unix.

b) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Các cơ sở dữ liệu được xây dựng dựa trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng và phù hợp với đặc thù của từng nền tảng số, ứng dụng, quy mô số lượng dữ liệu, đặc điểm của dữ liệu để lựa chọn áp dụng. Các hệ

quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng gồm: Microsoft SQL Server, MySQL, Oracle, No SQL...

c) Các công cụ lập trình ứng dụng: Tùy theo tính chất và phạm vi áp dụng của từng ngành và đơn vị, các nền tảng số, phần mềm ứng dụng được lập trình theo các ngôn ngữ thông dụng và dễ quản lý, điều chỉnh nâng cấp sau này. Các ngôn ngữ được áp dụng thông dụng như: MS.Net, PHP, Java,...

d) Công nghệ ứng dụng: Các phần mềm ứng dụng được xây dựng và hoạt động trên nền Win-form đối với các phần mềm ứng dụng được triển khai theo mô hình phân tán hoặc vừa phân tán vừa tập trung và hoạt động trên nền Web-based đối với các phần mềm ứng dụng được triển khai theo mô hình tập trung. Đối với ứng dụng di động được phát triển trên các nền tảng di động thông dụng như: Android, iOS.

2. Các nền tảng số, phần mềm ứng dụng xây dựng phải hướng tới việc kế thừa các giải pháp công nghệ của các dự án đã được xây dựng và đưa vào vận hành trước đây.

3. Nền tảng số, phần mềm ứng dụng được xây dựng phải đảm bảo tính dễ sử dụng, khả năng mở rộng nhanh chóng, độ tin cậy cao, đảm bảo hiệu năng sử dụng cao, đảm bảo cân bằng tải.

4. Nền tảng số, phần mềm ứng dụng xây dựng phải đảm bảo tính bảo mật, có cơ chế mã hóa các dữ liệu quan trọng, tránh các lỗi về bảo mật khi xây dựng ứng dụng.

5. Khuyến khích áp dụng các nhóm giải pháp xây dựng nền tảng số, phần mềm trên nền tảng mã nguồn mở để triển khai ứng dụng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6. Tất cả các nền tảng số, phần mềm đều phải được xác thực qua Hệ thống xác thực tập trung phần mềm ứng dụng được cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, trừ các phần mềm mang tính chất nội bộ đơn vị, nội bộ ngành.

7. Khi hai nền tảng số, phần mềm cần liên thông phải được thiết lập qua trực tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

8. Trước khi triển khai xây dựng phần mềm ứng dụng, ngoài việc lấy ý kiến về thiết kế sơ bộ, cần phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để xác định các mối liên hệ với các phần mềm khác đang vận hành trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 8. Điều kiện để đầu tư xây dựng nền tảng số, phần mềm ứng dụng

1. Các nền tảng số, phần mềm ứng dụng được chọn xây dựng và triển khai phải đảm bảo tuân thủ khung giải pháp xây dựng phần mềm ứng dụng trong các cơ quan nhà nước tại quy định này và Kiến trúc Chính quyền điện tử, chính quyền số của Bộ, ngành, UBND tỉnh ban hành.

2. Phải có ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông để thống nhất các chuẩn dữ liệu số và các thông số kỹ thuật nhằm đảm bảo tính đồng bộ, chia sẻ, và khai thác thông tin giữa các ứng dụng.

Điều 9. Kiểm thử nền tảng số, phần mềm ứng dụng

Tất cả nền tảng số, phần mềm ứng dụng triển khai trên địa bàn tỉnh có sử dụng

nguồn vốn ngân sách nhà nước, trước khi triển khai chủ đầu tư phải thực hiện việc kiểm thử phần mềm theo quy định của nhà nước.

Điều 10. Nâng cấp, cập nhật các nền tảng số, phần mềm ứng dụng

1. Các phần mềm ứng dụng đã được triển khai trước khi Quy định có hiệu lực nếu có kế hoạch nâng cấp phiên bản mới thì phải thực hiện theo Quy định này.

2. Trong quá trình khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng có phát sinh lỗi kỹ thuật, chức năng chưa phù hợp, chức năng cần bổ sung, dữ liệu chưa hợp lý thì đơn vị chủ trì cần có biện pháp xây dựng và cập nhật các bản vá lỗi, các chức năng bổ sung liên quan để cập nhật một cách hợp lý, thuận lợi.

Chương III
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

Điều 11. Triển khai cài đặt phần mềm, lưu trữ dữ liệu của phần mềm ứng dụng

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Thống nhất về công tác quản lý dữ liệu danh mục dùng chung và dữ liệu chuyên ngành dùng chung toàn tỉnh; việc cài đặt và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống xác thực tập trung, hệ thống an ninh - an toàn thông tin và các hệ thống thông tin có tính chất chuyên ngành được triển khai trên toàn tỉnh.

b) Chịu trách nhiệm quản trị, vận hành và bảo đảm hệ thống hoạt động thông suốt, liên tục, an toàn.

c) Tạo điều kiện để đơn vị thi công cài đặt, nâng cấp, bảo trì phần mềm, lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

2. Đối với chủ đầu tư và đơn vị thi công phần mềm: thực hiện cài đặt và lưu trữ phần mềm ứng dụng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

3. Các yêu cầu khởi tạo tên miền cho phần mềm ứng dụng phải đặt theo quy định sử dụng tên miền trong cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức theo tiêu chí ngắn gọn, có ý nghĩa, phù hợp với phần mềm ứng dụng và theo cấu trúc *.binhphuoc.gov.vn.

4. Phần mềm ứng dụng sử dụng các tài nguyên dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh phải tuân theo nội quy, quy định về an ninh, an toàn, bảo mật thông tin của UBND tỉnh quy định cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

Điều 12. Bảo mật trong quá trình triển khai

1. Các phần mềm ứng dụng cài đặt trên hệ thống không được chứa các mã độc, virus.

2. Đơn vị sử dụng hệ thống lưu trữ phải tuân thủ các quy định kỹ thuật của hệ thống, không dùng tài nguyên vào các mục đích có thể gây hại cho hệ thống.

3. Các máy chủ của các đơn vị, tổ chức đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các phần mềm ứng dụng cài đặt phải tuân theo các quy định về an toàn, bảo mật của hệ thống.

4. Tất cả các cá nhân tham gia trong quá trình cài đặt phần mềm hoặc sử dụng hệ thống lưu trữ phải tuân thủ các biện pháp phòng chống virus, các thiết bị lưu trữ cầm tay phải được quét và diệt virus trước khi sử dụng.

Điều 13. Phạm vi triển khai phần mềm ứng dụng

1. Đơn vị chủ trì triển khai phải xác định phạm vi, quy mô của phần mềm ứng dụng trước khi xây dựng và triển khai đảm bảo thống nhất dùng chung toàn tỉnh, toàn ngành, toàn địa phương mình.

2. Các phần mềm có phạm vi, quy mô rộng, nhiều cấp sử dụng phải được phân cấp bảo mật theo tài khoản người dùng và phân quyền khai thác theo chức năng quản lý của đơn vị, cá nhân tham gia hệ thống.

Chương IV KHAI THÁC, SỬ DỤNG PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

Điều 14. Khai thác, sử dụng Nền tảng xác thực tập trung (SSO)

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, triển khai các giải pháp kỹ thuật đảm bảo việc chuyển đổi thống nhất và duy nhất qua tài khoản định danh điện tử VNeID để sử dụng cho hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, nền tảng số... của tỉnh phục vụ cho cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai giải pháp xác thực thống nhất qua tài khoản định danh điện tử VneID đảm bảo các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, nền tảng số... đã xây dựng và đang xây dựng mới phải chuyển đổi xác thực thống nhất qua tài khoản định danh điện tử VneID.

Điều 15. Khai thác, sử dụng Nền tảng số hóa dùng chung

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh chủ trì, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực theo danh mục, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Bảo đảm chất lượng dữ liệu được cung cấp; cập nhật dữ liệu kịp thời; chính xác, hiệu chỉnh khi có sai lệch dữ liệu;

3. Tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào công tác quản lý hành chính nhà nước của cơ quan mình.

Điều 16. Khai thác, sử dụng Nền tảng làm việc số

1. Nền tảng làm việc số phục vụ chính quyền: yêu cầu khai thác, sử dụng có hiệu quả; rà soát và thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, đảm bảo các giải pháp để thúc đẩy phát triển nền tảng làm việc số; chủ động cập nhật, thường xuyên phối hợp

và thực hiện theo các yêu cầu, hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương chủ quản trong việc nâng cấp, phát triển nền tảng làm việc số để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.

2. Khi có nhu cầu sử dụng, triển khai, đơn vị được giao chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phù hợp với yêu cầu và đặc thù của từng địa phương, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức xây dựng, phát triển nền tảng làm việc số theo đúng quy định pháp luật.

3. Hình thức khai thác được thực hiện thông qua tài khoản sso được cấp. Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

Điều 17. Khai thác, sử dụng Nền tảng bản đồ số

1. Hiện thị bản đồ: Tất cả dữ liệu sau khi thu thập và tổng hợp sẽ được đưa lên bản đồ tại IOC tỉnh. Tạo ra hệ thống hiện thị dữ liệu và quản lý dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh. Áp dụng các bài toán từ thực tế vào hệ thống để phục vụ các nhu cầu quản lý.

2. Vận hành hệ thống: Lãnh đạo UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã truy cập vào nền tảng bản đồ số tại IOC tỉnh để vận hành các nghiệp vụ theo dõi, chỉ đạo.

Điều 18. Khai thác, sử dụng Nền tảng báo cáo số

1. Thông qua nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung. Dữ liệu được xử lý từ các nguồn khác nhau và được hiện thị trực quan hóa trên các dashboard thông qua các loại biểu đồ giúp việc theo dõi, so sánh, đánh giá, giám sát và đưa ra quyết định phục vụ chỉ đạo điều hành trên nhiều lĩnh vực được tường minh, trực quan. Hỗ trợ công tác báo cáo được kịp thời, chính xác.

2. Tùy theo vai trò người sử dụng sẽ thể hiện các chức năng khác nhau theo phân quyền. Cách thể hiện có thể xem từng cấp từ tổng thể đến chi tiết, từ cấp tỉnh đến sở ngành, địa phương, từ quyền chung đến quyền riêng được chia sẻ.

Điều 19. Khai thác, sử dụng Nền tảng hạ tầng - dịch vụ điện toán đám mây

1. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông được giao chủ trì quản lý, sử dụng Nền tảng hạ tầng - dịch vụ điện toán đám mây sử dụng, quản lý tài sản theo đúng luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật và dựa trên cơ sở khai thác an toàn, hiệu quả Nền tảng hạ tầng - dịch vụ điện toán đám mây hiện có.

2. Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh được khai thác, sử dụng Nền tảng hạ tầng - dịch vụ điện toán đám mây dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu nhưng phải tuân theo nội quy, quy định về an ninh, an toàn, bảo mật thông tin của theo quy định.

3. Tuân thủ nguyên tắc được quy định tại Điều 13 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Điều 20. Khai thác, sử dụng Cổng dữ liệu mở

1. Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin cơ quan nhà nước cung cấp;
- b) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất;
- c) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng;
- d) Dữ liệu mở phải đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được;
- đ) Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở;
- e) Dữ liệu mở ở định dạng mở;
- g) Sử dụng dữ liệu mở là miễn phí;
- h) Ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

2. Quy định sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép tự do sao chép, chia sẻ, trao đổi, sử dụng dữ liệu mở hoặc kết hợp dữ liệu mở với dữ liệu khác; sử dụng dữ liệu mở vào sản phẩm, dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại của mình.
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trích dẫn, ghi nhận thông tin sử dụng dữ liệu mở trong các sản phẩm, tài liệu liên quan có sử dụng dữ liệu mở.
- c) Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu nguyên trạng như được công bố; không bao gồm các hình thức trình bày và các thông tin phát sinh từ dữ liệu mở đã được cung cấp.
- d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được bán dữ liệu mở đã được khai thác nguyên trạng từ cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân khác. Khi sử dụng dữ liệu mở trong sản phẩm, dịch vụ thương mại của mình phải cung cấp miễn phí dữ liệu mở kèm theo sản phẩm, dịch vụ thương mại đó.
- e) Cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh của cơ quan, tổ chức, cá nhân do việc sử dụng dữ liệu mở gây ra.

Điều 21. Khai thác, sử dụng trang chuyển đổi số

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh thực hiện thu thập và cung cấp thông tin về chuyển đổi số thuộc lĩnh vực hoạt động, quản lý của đơn vị; trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt nội dung thông tin gửi về Sở Thông tin và Truyền thông kiểm duyệt nội dung đăng tải.

2. Được phép khai thác thông tin trên Trang chuyển đổi số để phục vụ cho nhu cầu hoạt động, tra cứu của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên khi sử dụng tin, bài, ảnh trên trang phải ghi rõ nguồn “ Trang chuyển đổi số tỉnh Bình Phước” hoặc “theo

<https://cds.binhphuoc.gov.vn>”.

Điều 22. Khai thác, sử dụng nền tảng Cổng, Trang thông tin điện tử

1. Việc sử dụng nền tảng Cổng, Trang thông tin điện tử phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ, báo chí, xuất bản, bảo vệ bí mật nhà nước và quy định quản lý hoạt động và cung cấp thông tin trên Cổng, Trang thông tin điện tử.

2. Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh tham gia khai thác và sử dụng nền tảng Cổng, Trang thông tin điện tử.

3. Được phép khai thác thông tin trên Cổng, Trang thông tin điện tử để phục vụ cho nhu cầu hoạt động, tra cứu của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên khi sử dụng, khai thác thông tin trên Cổng, Trang thông tin điện tử phải ghi rõ nguồn “Cổng, Trang thông tin điện tử của đơn vị chịu trách nhiệm quản lý”.

Điều 23. Quy định về an toàn, bảo mật trong quá trình khai thác

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng nếu có phát hiện liên quan đến bảo mật, an toàn của phần mềm thì cá nhân, tổ chức cần thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và các đơn vị sử dụng liên quan để khắc phục kịp thời.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống, phần mềm ứng dụng, dữ liệu số nhằm đảm bảo an toàn thông tin, vận hành hệ thống thông suốt. Các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã cử đầu mối phối hợp xử lý sự cố về an toàn, bảo mật thông tin nếu có yêu cầu từ Sở Thông tin và Truyền thông liên quan đến phần mềm ứng dụng hoặc dữ liệu số của đơn vị, địa phương quản lý.

Chương V

THU THẬP, CẬP NHẬT VÀ VẬN HÀNH DỮ LIỆU SỐ

Điều 24. Thu thập, cập nhật và vận hành dữ liệu số

1. Quy trình thực hiện thu thập, cập nhật và vận hành dữ liệu số đảm bảo thống nhất, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện.

2. Quy định về nguồn lực, phương thức thực hiện và các điều kiện khác phải được ban hành trước khi tổ chức triển khai thu thập, cập nhật và vận hành dữ liệu số.

3. Trách nhiệm vận hành, duy trì dữ liệu số của các ngành, các địa phương theo quy định tại Điều 25 quy định này.

Điều 25. Vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu, dữ liệu số

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để duy trì cơ sở dữ liệu, dữ liệu số của tỉnh.

2. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về an ninh, an toàn thông tin.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ, sao lưu, phục hồi dữ liệu, các giải pháp về đảm bảo hiệu suất vận hành và mức độ sẵn sàng hệ thống cao.

4. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm duy trì cơ sở dữ liệu số theo phân cấp quản lý.

Chương VI **KHAI THÁC, CHIA SẺ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU SỐ**

Điều 26. Khai thác, chia sẻ, sử dụng dữ liệu số

1. Tích hợp dữ liệu số vào Nền tảng Binhphuoc today để khai thác phải đáp ứng các yêu cầu được quy định Quản lý, vận hành và tích hợp ứng dụng Binhphuoc today.

2. Đối với các phần mềm, ứng dụng khác có nhu cầu tích hợp dữ liệu số, khai thác dữ liệu số phải đáp ứng theo các yêu cầu được quy định về Khung giải pháp xây dựng nền tảng số, phần mềm ứng dụng trong các cơ quan nhà nước tại Quy định này. Đồng thời, được Sở Thông tin và Truyền thông chấp thuận cho phép tích hợp, khai thác dữ liệu số.

3. Các cơ sở dữ liệu, dữ liệu số sau khi được cung cấp khai thác có thể kết nối, chia sẻ, liên thông với hệ thống kho dữ liệu số của tỉnh tạo thuận lợi cho việc khai thác và làm dày thêm dữ liệu. Việc tiếp tục chia sẻ cho bên thứ ba phải có ý kiến đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan chủ quản dữ liệu.

4. Chia sẻ dữ liệu số của tỉnh được chia sẻ thống nhất tại Cổng dữ liệu mở tỉnh Bình Phước cài đặt tại <https://dulieu.binhphuoc.gov.vn>. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, xác nhận dữ liệu số đủ tiêu chuẩn chia sẻ ở Cổng dữ liệu mở tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các ngành, địa phương khả năng khai thác, kế thừa, chia sẻ cơ sở dữ liệu khi các đơn vị xây dựng mới hoặc điều chỉnh cơ sở dữ liệu trong quá trình thẩm định thiết kế sơ bộ dự án liên quan đến cơ sở dữ liệu.

Điều 27. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu số

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu số thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng dữ liệu số trên cơ sở chia sẻ của đơn vị chủ quản dữ liệu và đã được công bố dữ liệu công khai quy định tại Điều 26 Quy định này.

b) Khai thác và sử dụng thông qua dịch vụ API từ hệ thống kho dữ liệu số. Sở Thông tin và Truyền thông, phối hợp đơn vị chủ quản dữ liệu xác nhận, cung cấp các hình thức chia sẻ.

c) Khai thác và sử dụng dữ liệu số trên mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông xác nhận, cung cấp các hình thức chia sẻ và hướng dẫn khai thác từ Internet;

d) Khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn

bản yêu cầu; Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp đơn vị quản lý dữ liệu xem xét, xác nhận.

đ) Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu số và đơn vị khai thác, sử dụng dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu số theo hình thức đăng ký qua biểu mẫu trực tuyến (E-Form) do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, đơn vị có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh gửi yêu cầu thông qua E-Form đăng ký trên Nền tảng CSDL dùng chung toàn tỉnh.

b) Khi nhận được yêu cầu hợp lệ của tổ chức, đơn vị quản lý dữ liệu số tiến hành xem xét, xác nhận trực tuyến và thực hiện cung cấp dữ liệu cho tổ chức, đơn vị có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu số. Thời hạn chia sẻ dữ liệu số do các bên thỏa thuận và ghi nhận kết quả trên Nền tảng CSDL dùng chung toàn tỉnh. Trường hợp từ chối chia sẻ dữ liệu số thì phía đơn vị quản lý dữ liệu số của tỉnh có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 28. Nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng dữ liệu số

Các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác và sử dụng dữ liệu số có các nhiệm vụ sau:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng dữ liệu số quy định tại Quy định này.

2. Không được cung cấp cho bên thứ ba các thông tin liên quan đến dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho tổ chức để khai thác, sử dụng trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

3. Phải trả kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu đối với các đối tượng dữ liệu nếu dữ liệu đó có tính phí;

4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu số về những sai sót của dữ liệu đã cung cấp;

5. Được phép khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của đơn vị mình;

6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu số cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại kinh tế cho đơn vị.

Điều 29. Kinh phí đảm bảo khai thác, sử dụng dữ liệu số

1. Đối với kinh phí thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng, nền tảng dữ liệu số đảm bảo khai thác, sử dụng dữ liệu số, nguồn kinh phí do ngân sách tỉnh bảo đảm bảo theo nguyên tắc:

a) Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí đối với tỉnh; sử dụng nguồn phí để lại ngoài cân đối ngân sách theo quy định, nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có);

b) Ưu tiên, khuyến khích đầu tư theo phương thức hợp tác với khu vực tư nhân,

nhất là các hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tận dụng nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống, ngân sách tỉnh chi trả tiền thuê dịch vụ hàng năm.

2. Đối với các nhiệm vụ, dự án riêng lẻ của các ngành, các địa phương:

a) Các ngành, các địa phương cân đối từ dự toán để thực hiện hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với các dự án có nguồn thu, nguồn thực hiện từ nguồn thu của dự án;

b) Đối với các địa phương đặc biệt khó khăn không cân đối được nguồn theo nhu cầu, ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3. Kinh phí duy trì, vận hành, thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu số được dự toán trong kinh phí quản lý, vận hành và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách (kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên, không thực hiện chế độ tự chủ) của cơ quan nhà nước.

Điều 30. Công bố danh mục dữ liệu số của tỉnh và các ngành

1. Danh mục dữ liệu số của tỉnh và các ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời công bố công khai tại Cổng dữ liệu mở của tỉnh cài đặt tại địa chỉ: <https://dulieu.binhphuoc.gov.vn>.

2. Các ngành có trách nhiệm công bố danh mục dữ liệu số chuyên ngành của ngành mình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung, nguồn dữ liệu công bố. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xác nhận dữ liệu đạt chuẩn dữ liệu số trước khi công bố.

3. Việc công bố các danh mục dữ liệu số của tỉnh và các ngành phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thường xuyên rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về xây dựng, nâng cấp triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng; thu thập, cập nhật, chia sẻ, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh và của các ngành.

2. Lập kế hoạch điều tra, thu thập và cập nhật dữ liệu số trong kế hoạch, nhiệm vụ từ nhu cầu đăng ký số hóa của các đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và

tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Hướng dẫn các sở ban ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố, các huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xây dựng, nâng cấp triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng; thu thập, cập nhật, chia sẻ, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu; số hoá các cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương lên nền tảng Cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh.

4. Thực hiện thẩm định và cho ý kiến phương án kỹ thuật công nghệ đối với việc xây dựng, nâng cấp, triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng, quản lý dữ liệu số của tỉnh; cung cấp dữ liệu số cho các tổ chức theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức, vận hành, lưu trữ, bảo dưỡng và quản lý các nền tảng số, phần mềm ứng dụng, hạ tầng kỹ thuật hệ thống máy chủ, đường truyền và cơ sở dữ liệu.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Thông tin và Truyền thông công bố và phát hành danh mục dữ liệu số đạt chuẩn trên toàn tỉnh.

8. Định kỳ rà soát, thông báo tình trạng khai thác và tình hình vi phạm dữ liệu để kịp thời điều chỉnh.

9. Đảm bảo hạ tầng và an ninh an toàn cho các nền tảng số, phần mềm ứng dụng và dữ liệu số toàn tỉnh.

Điều 32. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, tổ chức, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, nâng cấp triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng; thu thập, cập nhật, tích hợp và khai thác cơ sở dữ liệu ngành, địa phương theo yêu cầu và đặc tính dữ liệu phù hợp và lưu trữ ở hệ thống số hóa của tỉnh, hình thành đúng chuẩn dữ liệu số toàn tỉnh.

2. Lập kế hoạch xây dựng, nâng cấp triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng; điều tra, thu thập, cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu thuộc chuyên ngành theo kế hoạch, nhiệm vụ của mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu sản phẩm nền tảng số, phần mềm ứng dụng hoặc dữ liệu số đã được điều tra, thu thập.

4. Chia sẻ, quản lý, khai thác nền tảng số, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu thuộc chuyên ngành do đơn vị quản lý tùy theo phân cấp.

5. Cung cấp dữ liệu ngành, địa phương cho các tổ chức có nhu cầu khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Đăng ký Ủy ban nhân dân tỉnh xác định trách nhiệm chủ trì về dữ liệu và công bố dữ liệu danh mục dùng chung cho các đơn vị, địa phương.

7. Lưu trữ các nền tảng số, phần mềm ứng dụng, dữ liệu số tập trung toàn tỉnh tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được vận hành bởi Trung tâm Công nghệ thông

tin và Truyền thông - Sở Thông tin và Truyền thông sau khi thu thập và cập nhật.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Xử lý nền tảng số, phần mềm ứng dụng đã được cài đặt

Đối với các nền tảng số, phần mềm ứng dụng đã được triển khai chính thức thì đơn vị chủ trì có văn bản lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông để có giải pháp nâng cấp, điều chỉnh phù hợp với quy định này.

Điều 34. Xử lý dữ liệu số đã được điều tra, thu thập, cập nhật

Các dữ liệu số đã được điều tra, thu thập, cập nhật, tích hợp bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với những cơ sở dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm nghiên cứu quy hoạch dữ liệu, chuẩn hóa theo quy trình đạt chuẩn dữ liệu số, phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện chuẩn hóa, số hóa và lưu trữ thống nhất tại hệ thống số hóa của tỉnh.

2. Đối với những dữ liệu số chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được Nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập, cập nhật, tích hợp dữ liệu số có trách nhiệm tổ chức thẩm định, nghiệm thu, đánh giá các cơ sở dữ liệu và đưa vào chuẩn hóa, lưu trữ dữ liệu số theo Quy định này.

3. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện thiết kế cơ sở dữ liệu phải đảm bảo theo chuẩn dữ liệu số quy định tại Quy định này.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện Quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối bố trí đảm bảo ngân sách hàng năm trong việc xây dựng, nâng cấp, triển khai nền tảng số, phần mềm ứng dụng, thu thập, cập nhật, chia sẻ, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.